

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 23-8-2024

“Tranh chấp về HNGĐ - ly hôn,
chia tài sản chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

2. Ông Lê Khắc Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh: Bà Trần Thị Ngọc Quý- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13/8 và ngày 23/8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 19 tháng 06 năm 2024, về việc “*Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 489/2024/QĐXX-PT, ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1988.

Được thay đổi hộ tịch: Nguyễn Thanh N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Dương Văn P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hồ Hoàng K, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

-Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B – Là bị đơn trong vụ án; Anh Dương Văn P là bị đơn trong vụ án.

- Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị giữ nguyên quan điểm trình bày theo các văn bản trước đây cung cấp cho Tòa án. Nay chị bổ sung những vấn đề cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Kim N1, sinh ngày 25/7/2013 và Dương Trọng V, sinh ngày 25/12/2020. Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 3.000.000đ (Ba triệu đồng) một tháng.

- Về tài sản chung: Chị yêu cầu anh Dương Văn P chia đôi các tài sản sau:

1/ Phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 30/01/2019, diện tích 14.150m², thuộc thửa số 341, tờ bản đồ số 6, do anh Dương Văn P đứng tên, đất tọa lạc tại phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Tạm tính giá trị đất là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Chị yêu cầu được chia đôi tài sản này, chị yêu cầu được nhận giá trị đất, tương đương 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), giao cho anh Dương Văn P quản lý đất.

2/ Phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 08/03/2022, diện tích 114,0m², thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 17, do anh Dương Văn P và anh Hồ Hoàng K cùng đứng tên sở hữu và Phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 28/6/2022, diện tích 194,0m², thuộc thửa số 960, tờ bản đồ số 8, do anh Dương Văn P và anh Hồ Hoàng K cùng đứng tên sở hữu. Hai thửa đất trên cùng tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Tạm tính giá trị hai thửa đất trên là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Chị yêu cầu chia đôi tài sản này, chị yêu cầu nhận giá trị đất, tương đương 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), giao cho anh Dương Văn P quản lý đất.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với yêu cầu phân tố của anh P yêu cầu chia đôi 10 cây vàng (100 chỉ vàng 24 kara, vàng 9 tuổi 8) thì chị có ý kiến như sau: Chị thừa nhận có giữ khoảng 05 cây vàng khi vợ chồng còn sống chung, chị đã đưa lại cho anh P 02

cây, còn khoảng 03 cây, nhưng đã bán tiêu xài hết, hiện nay không còn số vàng nào. Nay anh **P** yêu cầu chia đôi 10 cây vàng thì chị không đồng ý. Tôi thống nhất thoả thuận giá vàng tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án là 6.430.000đ/chỉ.

- **Bị đơn anh Dương Văn P trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị **Nguyễn Thị B**.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Dương Kim N1**, sinh ngày 25/7/2013 và **Dương Trọng V**, sinh ngày 25/12/2020. Hiện nay con đang sống với anh, anh yêu cầu được nuôi hai con, yêu cầu **B** cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu bổ sung của chị **B** về phần cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 3.000.000đ (Ba triệu đồng) một tháng thì anh không thống nhất.

- Về tài sản chung: Theo yêu cầu khởi kiện bổ sung chị **Nguyễn Thị B** yêu cầu chia giá trị đất thì anh có ý kiến như sau:

1/ Đối với phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 30/01/2019, diện tích 14.150m², thuộc thửa số 341, tờ bản đồ số 6, do tôi (**Dương Văn P**) đứng tên, đất tọa lạc tại **phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp**. Chị **B** tạm tính giá trị đất là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Chị **B** yêu cầu được chia đôi tài sản này, chị yêu cầu được nhận giá trị đất, tương đương 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), giao cho anh quản lý đất: Do trước đây cha mẹ có đất tại **xã T, huyện T**, cha anh chia phần ăn cho tôi 8 công tầm cắt (khoảng 11.000m²), đến khoảng năm 2014 cha anh bán hết phần đất tại **xã T** B về mua lại phần đất cho anh đứng tên (cha anh cho cá nhân anh), hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cá nhân anh đứng tên. Hiện nay anh đã làm thủ tục đổi lại giấy chứng nhận theo hệ thống lưới tọa độ năm 2023, tổng diện tích 13.274m², gồm 03 thửa (không nhớ số thửa, anh sẽ cung cấp giấy chứng nhận sau) đất tọa lạc tại **phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp**. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh đang giữ, không thể chấp vay vốn tại đâu. Anh cam kết đất này do anh đứng tên quyền sử dụng đất, đây là tài sản cá nhân của anh không liên quan đến người nào khác, hiện anh đang trực tiếp quản lý trồng lúa, chị **B** không liên quan gì đến đất này nên anh không thống nhất theo yêu cầu của chị **Nguyễn Thị B**.

2/ Đối với phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 08/03/2022, diện tích 114,0m², thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 17, do anh **Dương Văn P** và anh **Hồ Hoàng K** cùng đứng tên sở hữu và Phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 28/6/2022, diện tích 194,0m², thuộc thửa số

960, tờ bản đồ số 8, do anh Dương Văn P và anh Hồ Hoàng K cùng đứng tên sở hữu. Hai thửa đất trên cùng tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Chị B tạm tính giá trị hai thửa đất trên là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Chị B yêu cầu chia đôi tài sản này, chị yêu cầu nhận giá trị đất, tương đương 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), giao cho anh (Dương Văn P) quản lý đất. Đây là hai thửa đất anh và anh Hồ Hoàng K cùng hùn vốn mua. Phần anh là do khi cha anh chết để lại khoảng 8 cây vàng 24k, anh sử dụng số vàng này để hùn mua với anh Hồ Hoàng K. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh và anh Hồ Hoàng k cùng sở hữu, hai giấy chứng nhận trên hiện mỗi người giữ một tờ, không thể chấp vay vốn cá nhân hay tổ chức nào. Đây là tài sản riêng của cha anh để lại cho anh nên anh không thống nhất theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị B.

- Ngoài ra, vợ chồng có tài sản chung là 10 cây vàng (100 chỉ vàng 24 kara, vàng 9 tuổi 8 vợ anh là B đang giữ từ năm 2013, số vàng này anh được cha mẹ cho từ trước khi anh lập gia đình), anh yêu cầu chia đôi số vàng này, anh yêu cầu được 50 chỉ vàng 24kara. Theo anh giá vàng 24 kara hiện nay khoảng 55.000.000đ/10 chỉ. Anh phản tố yêu cầu chị Nguyễn Thị B chia đôi 10 cây vàng (100 chỉ vàng 24 kara, vàng 9 tuổi 8) do chị B đang giữ từ năm 2013, anh yêu cầu được hưởng 05 cây vàng 24k (50 chỉ vàng 24kara). Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

- Về nợ chung: Trước đây anh có trình bày vợ chồng có vay nợ Ngân hàng TMCP C – phòng giao dịch huyện H số tiền vay là 400.000.000đ, thời hạn vay 05 năm, vay vào năm 2021. Hiện nay anh đã trả nợ cho Ngân hàng X, Ngân hàng cũng có ý kiến không tham gia vụ án nên anh không yêu cầu giải quyết nữa. Ngoài ra, không còn nợ nào khác.

- Anh thống nhất thoả thuận giá vàng tại thời điểm Toà án giải quyết vụ án là 6.430.000đ/chỉ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Hồ Hoàng K có đơn xin vắng mặt nhưng có văn bản ý kiến trình bày như sau:

Đối với yêu cầu chia tài sản của vợ chồng chị B với anh P anh không có ý kiến, giữa anh P và chị B tự xử lý yêu cầu của hai người theo quy định.

Đối với hai thửa đất anh đứng tên đồng sở hữu với anh P tại xã T, huyện H thì giữa anh và anh P không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ kiện này. Chị B yêu cầu chia giá trị đối với hai thửa đất trên trong đó có quyền sở hữu của anh thì anh không thống nhất. Nếu phải chia thì yêu cầu Toà án giải quyết chia giá

trị trên phần sở hữu của anh P cho chị B, còn phần của anh thì yêu cầu giữ nguyên cho anh đứng tên. Sau này giữa anh và anh P tự thỏa thuận tách thửa, sang tên hay thế nào là chuyện sau này. Do công việc làm ăn, anh xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tiến hành tố tụng.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Dương Văn P.

2/ Về con chung: Giao cho anh Dương Văn P được tiếp tục nuôi hai con tên Dương Kim N1, sinh ngày 25/7/2013 và Dương Trọng V, sinh ngày 25/12/2020. Chị Nguyễn Thị B không cấp dưỡng nuôi con do anh Dương Văn P tự nguyện không yêu cầu. Anh Dương Văn P cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

- Buộc anh Dương Văn P có nghĩa vụ chia giá trị quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị B số tiền tổng cộng là **718.016.125đ** (bảy trăm mười tám triệu không trăm mười sáu nghìn một trăm hai mươi lăm đồng). (Trong đó giá trị đất tại phường A, thành phố H là 657.186.750đ và giá trị đất tại xã T, huyện H là 60.829.375đ).

- Giao cho anh Dương Văn P được tiếp tục sở hữu và đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 14.150m², thuộc thửa số 341, tờ bản đồ số 6, (hiện nay thuộc 3 thửa: Thửa 739, tờ bản đồ số 4 diện tích 1.274,8m², thửa 740, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.758,9m² và thửa 745, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.242,8m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước; tổng diện tích 3 thửa là 13.276,5m²), đất tọa lạc tại phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Dương Văn P và anh Hồ Hoàng K tiếp tục đứng tên đồng sở hữu và sử dụng phần đất diện tích 114,0m², thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 17 và phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 28/6/2022, diện tích 194,0m², thuộc thửa số 960, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận do anh Dương Văn P và anh Hồ Hoàng K cùng đứng tên sở hữu, hai thửa đất trên cùng tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Dương Văn P.

- Buộc chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả lại cho anh Dương Văn P 1,5 cây vàng (trương đương 15 chỉ vàng 24k, vàng 9 tuổi 8).

5/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, chị **Nguyễn Thị B** và anh **Dương Văn P** có đơn kháng cáo với nội dung không đồng chia phần tài sản chung của vợ chồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn **Nguyễn Thị B** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với án sơ thẩm và yêu cầu như sau:

+ Yêu cầu chia đôi phần đất ruộng diện tích 14.150m², thuộc thửa số 341, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại **phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp**, chị **B** được hưởng $\frac{1}{2}$ và anh **P** được hưởng $\frac{1}{2}$.

+ Yêu cầu Tòa án tỉnh không chấp nhận yêu cầu của anh **P** về việc yêu cầu chia số vàng chung của vợ chồng, vì phần 30 chỉ vàng 24 kara chị **B** đã bán tiêu xài trước khi ly thân với anh **P**.

- Bị đơn anh **Dương Văn P** giữ yêu cầu kháng cáo không đồng ý phân chia tài sản chung và yêu cầu như sau:

+ Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 19/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh **P** về việc không đồng ý chia giá trị quyền sử dụng đất cho chị **B** số tiền là 718.016.125 đồng như nhận định.

+ Yêu cầu Tòa án buộc chị **B** chia $\frac{1}{2}$ số vàng cho anh **P** là 40 chỉ vàng 24kara 9T8.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị **Nguyễn Thị B** và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **Dương Văn P**, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B đối với anh Dương Văn P và yêu cầu phản tố của anh P được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án T thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị B và anh Dương Văn P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1/ Đối với phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 30/01/2019, diện tích 14.150m², thuộc thửa số 341, tờ bản đồ số 6, (hiện nay thuộc 3 thửa: Thửa 739, tờ bản đồ số 4 diện tích 1.274,8m², thửa 740, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.758,9m², thửa 745, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.242,8m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước; tổng diện tích 3 thửa là 13.276,5m²), do anh Dương Văn P đứng tên, đất tọa lạc tại phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, phần đất này nguồn gốc có được là do cha ruột anh P cho anh P phần đất tại huyện T, sau đó cha anh P bán phần đất tại huyện T để mua lại phần đất tại Phường A cho anh P đứng tên và canh tác đến nay, quá trình canh tác phần đất này có phát sinh lợi nhuận và mua vàng tích lũy sử dụng, phục vụ chung trong cuộc sống vợ chồng nên xác định là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, xét về công sức đóng góp thì toàn bộ tiền để mua phần đất này là của anh P, chị B không chứng minh được mình có tiền để cùng anh P mua phần đất này nên chị B chỉ có công sức đóng góp trong việc canh tác đất chứ đất này không phải do vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nên chị B yêu cầu chia đôi giá trị tài sản này là chưa phù hợp mà phần đất này chia theo tỷ lệ 7 - 3 là hợp lý (13.276,5m² x 165.000đ = 2.190.622.500đ : 10 x 3 = 657.186.750đ).

2/ Đối với phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 08/03/2022, diện tích 114,0m², thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 17, do anh Dương Văn P và anh Hồ Hoàng K cùng đứng tên sở hữu và Phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 28/6/2022, diện tích 194,0m², thuộc thửa số 960, tờ bản đồ số 8, do anh Dương Văn P và anh Hồ Hoàng K cùng đứng tên sở hữu. Hai thửa đất trên cùng tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy,

anh **Hồ Hoàng K** không thống nhất việc chị **B** yêu cầu chia giá trị đất do anh đứng tên, tuy nhiên chị **B** yêu cầu chia giá trị đất đối với phần sở hữu của anh **P**. Xét thấy, phần đất này anh **P** mua trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị **B**, là tài sản chung của vợ chồng nên chia đôi là phù hợp. Tại phiên toà chị **B** yêu cầu anh **P** chia chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất theo giá hội đồng định giá đã định đối với diện tích $114,0m^2$, thuộc thửa 42, tờ bản đồ số 17, mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn, thuộc khu vực 2, vị trí 1, có giá trị QSD đất là $1.400.000đ/m^2$ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng trên một mét vuông), đã nhân hệ số 4 ($114,0m^2 \times 1.400.000đ/m^2 = 159.600.000đ$). Đối với Diện tích $194,0m^2$, thuộc thửa 960, tờ bản đồ số 8. Có 02 mục đích sử dụng gồm: Diện tích $161m^2$, mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn, thuộc khu vực 2, vị trí 1, có giá trị QSD đất là $500.000đ/m^2$ (Năm trăm nghìn đồng trên một mét vuông), đã nhân hệ số 2 ($161m^2 \times 500.000đ/m^2 = 80.500.000đ$). Diện tích $33m^2$, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, thuộc khu vực 1, vị trí 2, có giá trị QSD đất là $97.500đ/m^2$ (Chín mươi bảy năm trăm đồng trên một mét vuông), đã nhân hệ số 1.5 ($33m^2 \times 97.500đ/m^2 = 3.217.500đ$). Như vậy, tổng giá trị hai thửa đất trên là **243.317.500đ**. Phần anh **Dương Văn P** sở hữu giá trị đất là **121.658.750đ**, phần anh **Hồ Hoàng K** sở hữu giá trị đất là **121.658.750đ**. Do đó, $\frac{1}{2}$ giá trị đất theo sở hữu của anh **P** là $121.658.750đ : 2 = \mathbf{60.829.375đ}$.

3/ Về yêu cầu của **Dương Văn P** về việc yêu cầu chị **Nguyễn Thị B** chia đôi 10 cây vàng (100 chỉ vàng 24 kara, vàng 9 tuổi 8) do chị **B** đang giữ từ năm 2013, anh yêu cầu được hưởng 05 cây vàng 24k (50 chỉ vàng 24kara). Hội đồng xét xử xét thấy, chị **B** thừa nhận có giữ vàng của vợ chồng nhưng không phải 10 cây mà chỉ có giữ 07 cây vàng khi vợ chồng còn sống chung, anh **P** không có gì chứng minh chị **B** giữ 10 cây vàng. Chị đã đưa lại cho anh **P** 02 cây nhưng anh **P** không thừa nhận có nhận số vàng trên, chị **B** không có gì chứng minh đã đưa 02 cây vàng cho anh **P**, ngoài ra chị **B** cho rằng có đưa cho cô **T1**, anh **P** 02 cây để cô **T1** đưa lại cho anh **P** điều này anh **P** thừa nhận có nhận 02 cây vàng này từ cô **T1** (cả hai anh chị thừa nhận không còn liên quan gì với cô tư anh **P** trong việc giao nhận vàng này, không yêu cầu gì đối với cô **T1**). Như vậy, có căn cứ xác định số vàng chung của vợ chồng là 07 cây vàng 24k, vàng 9 tuổi 8. Chị **B** giữ 05 cây, anh **P** giữ 02 cây nên chia đôi số vàng trên. Do chị **B** thừa nhận có quản lý, sử dụng số vàng chung của vợ chồng là 07 cây vàng 24k, nên chị phải có trách nhiệm trả lại cho anh **P** $\frac{1}{2}$ số vàng trên là 3,5 cây vàng (tương đương 35 chỉ

vàng 24k, vàng 9 tuổi 8). Tuy nhiên, do anh P đã giữ 02 cây nên chị B có nghĩa vụ trả cho anh Dương Văn P thêm 1,5 cây vàng (tương đương 15 chỉ vàng 24k, vàng 9 tuổi 8).

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cấp việc chia tài sản chung theo án sơ thẩm là phù hợp nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị B và anh P, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị B và anh P không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị B và anh Dương Văn P là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 56, 59, 81, 82, 116 Luật HNGĐ; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị B (Nguyễn Thanh N) và anh Dương Văn P.

- Giữ nguyên quyết định bản án hôn nhân sơ thẩm số 19/2024/HNGĐ-ST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự;

1. Tuyên xử:

1.1 Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B (Nguyễn Thanh N).

+ Buộc anh Dương Văn P có nghĩa vụ chia giá trị quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị B (Nguyễn Thanh N) số tiền tổng cộng là **718.016.125đ** (bảy trăm mười tám triệu không trăm mười sáu nghìn một trăm hai mươi lăm đồng). (Trong đó giá trị đất tại phường A, thành phố H là 657.186.750đ và giá trị đất tại xã T, huyện H là 60.829.375đ).

+ Giao cho anh Dương Văn P được tiếp tục sở hữu và đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 14.150m², thuộc thửa số 341, tờ bản đồ số 6,

(hiện nay thuộc 3 thửa: Thửa 739, tờ bản đồ số 4 diện tích 1.274,8m², thửa 740, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.758,9m² và thửa 745, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.242,8m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước; tổng diện tích 3 thửa là 13.276,5m²), đất tọa lạc tại phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

+ Anh Dương Văn P và anh Hồ Hoàng K tiếp tục đứng tên đồng sở hữu và sử dụng phần đất diện tích 114,0m², thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 17 và phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 28/6/2022, diện tích 194,0m², thuộc thửa số 960, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận do anh Dương Văn P và anh Hồ Hoàng K cùng đứng tên sở hữu, hai thửa đất trên cùng tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

1.2 Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Dương Văn P.

+ Buộc chị Nguyễn Thị B (Nguyễn Thanh N) có trách nhiệm trả lại cho anh Dương Văn P 1,5 cây vàng (tương đương 15 chỉ vàng 24k, vàng 9 tuổi 8).

1.3 Về lãi suất chậm thi hành: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

* Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị B (Nguyễn Thanh N) phải nộp 150.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình và phải nộp 41.539.970đ tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí chia tài sản, trong đó án phí chia tài sản là đất là 30.287.470đ và án phí chia tài sản là vàng là 11.252.500đ); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0006849 ngày 14/12/2022 và 10.000.000đ theo biên lai số 0001069 ngày 05/6/2022. Chị Nguyễn Thị B (Nguyễn Thanh N) còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **31.389.970đ** (ba mươi một triệu ba trăm tám mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Anh Dương Văn P phải nộp 150.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình và phải nộp 69.255.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, (án phí chia tài sản, trong đó án phí chia tài sản là đất là 58.003.000đ và án phí chia tài sản là vàng là 11.252.500đ); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.875.000đ theo biên lai số 0001794 ngày 27/11/2023, anh Dương Văn P còn phải nộp tiếp số tiền

án phí dân sự sơ thẩm là **62.380.500đ** (Sáu mươi hai triệu ba trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

* Về án phí phúc thẩm:

Chị **Nguyễn Thị B (Nguyễn Thanh N)** và anh **Dương Văn P** phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005094 ngày 19/4/2024 (Báo) và biên lai số 0005108 ngày 23/4/2024 (Phát). Chị **B** và anh **P** không phải nộp tiếp.

* Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 12.388.000đ, mỗi người chịu phân nửa là 6.194.000đ. Do chị **Nguyễn Thị B (Nguyễn Thanh N)** đã tạm ứng và đã chi xong nên anh **Dương Văn P** có trách nhiệm nộp số tiền 6.194.000đ (sáu triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng) để trả lại cho chị **Nguyễn Thị B (Nguyễn Thanh N)** theo quy định.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Tp. Hồng Ngự;
- Chi cục THADS Tp. Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tùng